TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1066**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1019/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1984

Căn cước số 038184006198

Nơi đăng ký thường trú: Phố T, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ B, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

- Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1981

Căn cước công dân số 037081001492

Nơi đăng ký thường trú: Số A, ngõ A phố T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Tổ B, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn 16 tháng 01 năm 2004 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa). Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 17 tháng 7 năm 2026, anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đồng thời anh chị cũng thống nhất thỏa thuận được việc giao người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S xác nhận có hai con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 02/5/2006 và cháu Phạm Phú T1, sinh ngày 05/9/2014. Khi ly hôn, cháu Phạm Bảo N đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh chị thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Phú T1 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung (Bao gồm động sản và bất động sản): Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về lệ phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000522 ngày 07/7/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 3 – Hà Nội;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Lưu hồ sơ vụ án./.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Lài